

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2026/HS-PT
Ngày 07 – 9 – 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Đoan Trang

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh Thành

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Cao Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 212/2026/TLPT-HS ngày 06 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo **Nguyễn Văn T** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2026/HS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 06/11/1989 tại Phú Thọ; nơi cư trú: **Thôn Y, xã T, tỉnh Phú Thọ**; CCCD số 026089005914; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn K** (đã chết) và bà **Ngô Thị V**; có vợ là **Kim Thị D** và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/01/2026 đến ngày 16/01/2026 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo khác và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo; Viện kiểm sát không kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi chiều ngày 04/01/2026, gia đình anh **Nguyễn Văn H** và chị **Lê Thị Bích L** tổ chức liên hoan khánh thành về nhà mới có mời **Nguyễn Hữu Đ (N)**, **Nguyễn Văn T (N)**, **Đỗ Văn T1**, **Đỗ Văn T2**, **Kim Đình C**, **Kim Đình B**, **Kim Đình T3**, **Đỗ Văn S**, **Nguyễn Văn L1**, **Bùi Văn Đ1 (B)**, **Tạ Văn T4 (T)**, **Nguyễn Văn D1**

và **Bùi Mạnh D2** (là bạn bè, anh em hàng xóm) đến ăn uống mừng nhà mới.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, sau khi ăn uống xong **Nguyễn Văn T**, **T3** và **T1** cùng nhau đi tham quan nhà mới của anh **H**. Khi lên đến khu vực phòng ngủ tại **tầng C**, **T** quan sát thấy dưới nền nhà có trải sẵn 01 chiếc thảm màu đỏ, trên chiếc giường kê trong phòng để 01 bộ bài tú lơ khơ nên nảy sinh ý định đánh bạc bằng hình thức đánh ba cây ăn tiền. **T** nói với **T3** và **T1**: “làm tý không” - ý rủ **T3** và **T1** chơi đánh bạc bằng hình thức đánh 3 cây ăn tiền thì **T3** và **T1** đều đồng ý. Sau đó cả 3 đối tượng ngồi xuống chiếc thảm màu đỏ trải dưới nền phòng rồi **T** lấy bộ bài tú lơ khơ có sẵn trên, lọc bỏ các quân bài 10, J, Q và K để đánh bạc. Cả 3 thống nhất thỏa thuận hình thức và mức đặt cược như sau: Sử dụng 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 36 quân bài từ Át đến 9. Sau đó một người chơi sẽ chia cho mỗi người chơi 03 quân bài. Tính thứ tự các chất bài từ cao xuống thấp lần lượt là rô, cơ, tép, bích. Ai có tổng bài được 10 điểm (có chất bài to nhất) thì được cầm chương. Mỗi ván người chơi đặt cược (trống cửa) số tiền tối thiểu là 50.000 đồng, nếu ai muốn đặt hơn thì thỏa thuận với người cầm chương (thông thường chương sẽ nhận tối đa là 300.000 đồng). Tỷ lệ thắng thua là nhất ăn tất (chương thua thì trả tiền những người chơi bằng số tiền đặt cược, chương thắng thì được tiền tất cả người chơi). Nếu người chơi được 10 điểm thì nhân đôi số tiền đặt cược, trường hợp người chơi có 03 quân bài tam hoa (03 quân có số điểm giống nhau như 5, 5, 5) thì được nhân ba số đặt cược, trường hợp người chơi có 03 quân bài đồng hoa (03 quân có số chất giống nhau và có số điểm liên tiếp nhau như 2, 3, 4) thì được nhân bốn số đặt cược và ngược lại. Sau khi thống nhất thỏa thuận **Nguyễn Văn T**, **T3** và **T1** bắt đầu ngồi đánh bạc ăn tiền. Khi **Nguyễn T**, **T3** và **T1** đánh bạc được khoảng 10 phút thì lần lượt có **Bùi Đ1**, **Nguyễn Đ**, **Tạ T4**, **B**, **T2**, **Luật**, **C** và **D2** đi vào phòng và cùng tham gia đánh bạc cùng.

Quá trình đánh bạc, do bị thua không còn tiền mặt để đánh bạc nên **L1** bảo **Bùi Đại Đ2** cho mình 5.000.000 đồng tiền mặt. Lúc này **Bùi Đại C1** 15.000.000 đồng tiền mặt để dưới xe mô tô nên **Bùi Đại B1** **Luật** ngồi đợi rồi **Bùi Đại Đ3** xuống vị trí để xe mô tô lấy 5.000.000 đồng tiền mặt mang lên đưa cho **Luật**. Sau đó **Luật** sử dụng tài khoản số 026678000888 mở tại **Ngân hàng N2** (A) chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng đến số tài khoản 106600039060 của **Bùi Đại M** tại **Ngân hàng TMCP C3** (V1).

Đối với **Kim Đình C**, quá trình đánh bạc cũng bị thua hết tiền không còn tiền mặt để đánh bạc nên **C** bảo với **Nguyễn Đại Đ4** tiền mặt cho mình, lúc này **Nguyễn Đ** đang thắng bạc nên đồng ý. Sau đó **C** đã sử dụng tài khoản số 2803236161986 mở tại **Ngân hàng N2** chuyển số tiền 10.000.000 đồng vào số tài khoản 0976555884 của **Nguyễn Đ** được mở tại **Ngân hàng TMCP Q** (MB) để đổi lấy tiền mặt. Do chỉ có sẵn 5.000.000 đồng tiền mặt (là tiền thắng bạc) nên **Nguyễn Đại B2** **Bùi Đại** đổi 5.000.000 đồng tiền mặt cho mình. **Bùi Đại L2** tiếp tục đi xuống dưới xe mô tô lấy 5.000.000 đồng tiền mặt mang lên đưa cho **Nguyễn Đại**. Khi nhận được tiền **Nguyễn Đ** chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng đến số tài

khoản 106600039060 của **Bùi Đại M** tại **Ngân hàng TMCP C3** rồi **Nguyễn Đ** đưa cho **C** 10.000.000 đồng tiền mặt.

Khi các đối tượng đang ngồi đánh bạc thì có anh **Đỗ Văn S** và **Nguyễn Văn D1** đến ngồi xem, không tham gia đánh bạc. Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày thì nghỉ ra về.

Tại Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh P**, các bị cáo khai nhận: Khi đánh bạc, **Nguyễn Văn T** có 1.180.000 đồng; **Kim Đình T3** có 800.000 đồng; **Đỗ Văn T1** có 650.000 đồng; **Đỗ Văn T2** có 150.000 đồng; **Kim Đình B** có 600.000 đồng; **Tạ T4** có 1.600.000 đồng; **Bùi Mạnh D2** có 150.000 đồng; **Nguyễn Đ** có 5.760.000 đồng.

Đối với **Bùi Đại K1** đến nhà anh **H** ăn mừng khánh thành nhà **Bùi Đại M1** theo số tiền 16.700.000 đồng (trong đó 1.700.000 đồng được **Bùi Đại C2** trên người, số tiền 15.000.000 đồng còn lại cất tại cốp xe mô tô), khi vào tham gia đánh bạc **Bùi Đ1** sử dụng số tiền 1.700.000 đồng để đánh bạc, còn số tiền 15.000.000 đồng là tiền dùng chữa bệnh, không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Bởi vậy cần xác định số tiền **Bùi Đ1** sử dụng vào mục đích đánh bạc là 1.700.000 đồng.

Đối với **Nguyễn Văn L1** khi tham gia đánh bạc Luật có số tiền 1.700.000 đồng, khi thua hết tiền Luật chuyển khoản 5.000.000 đồng cho **Bùi Đại Đ2** lấy 5.000.000 đồng tiền mặt để tiếp tục đánh bạc. Bởi vậy, xác định số tiền Luật sử dụng để đánh bạc là 6.700.000 đồng.

Đối với **Kim Đình C** khi tham gia đánh bạc **C** có số tiền 1.000.000 đồng, khi thua hết tiền **C** chuyển khoản 10.000.000 đồng cho **Nguyễn Đại Đ4** lấy 10.000.000 đồng tiền mặt để tiếp tục đánh bạc. Bởi vậy, xác định số tiền **C** sử dụng để đánh bạc là 11.000.000 đồng.

Do vậy có đủ cơ sở để kết luận, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 30.290.000 đồng.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 14F5G, màu xanh dương của **Nguyễn Hữu Đ**: Kết quả trên điện thoại có ứng dụng **ngân hàng M2** xác định tài khoản **Ngân hàng M2** số: 0976555884 của **Đ** thực hiện 02 giao dịch, cụ thể:

- Hồi 19 giờ 09 phút 02 giây ngày 04/01/2025, tài khoản **Ngân hàng A** số: 2803236161986 mang tên "KIM DINH CHUNG" chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng đến tài khoản **Ngân hàng M2** số: 0976555884 của **Đ**. **Nguyễn Hữu Đ** trình bày số tiền trên do **Kim Đình C** chuyển cho **Đ**. **Đ** đưa lại cho **C** 10.000.000 đồng tiền mặt để **C** sử dụng nhằm mục đích đánh bạc vào ngày 04/01/2026.

- Hồi 19 giờ 10 phút 37 giây ngày 04/01/2026, tài khoản ngân hàng MB số: 0976555884 của **Đ** chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng đến tài khoản **Ngân hàng V2** số: 106600039060 mang tên "BUI VAN DAI". **Nguyễn Hữu Đ** trình bày do không đủ 10.000.000 đồng tiền mặt để đổi cho **Kim Đình C** sử dụng đánh bạc nên

Đ đã chuyển khoản cho Bùi Văn Đại Đ5 đổi 5.000.000 đồng tiền mặt. Sau khi nhận của Bùi Văn Đ1 5.000.000 đồng tiền mặt thì Nguyễn Hữu Đ đưa cho Kim Đình C 10.000.000 đồng tiền mặt để C sử dụng đánh bạc.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S25FE, màu xanh của Nguyễn Văn L1; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu vàng của Kim Đình C; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen của Bùi Văn Đ1. Kết quả kiểm tra các điện thoại di động trên vẫn hoạt động bình thường, không có thẻ sim. Tiến hành kiểm tra ứng dụng chuyển tiền ngân hàng trên điện thoại không có ứng dụng của ngân hàng nào. Tiến hành kiểm tra các ứng dụng khác trong điện thoại không phát hiện nội dung gì khác liên quan đến hành vi đánh bạc. Quá trình điều tra, Luật, C đều trình bày: Các bị cáo sử dụng những chiếc điện thoại nêu trên để truy cập ứng dụng chuyển tiền nhanh của ngân hàng của mình để đổi tiền trong quá trình đánh bạc. Tuy nhiên khi biết cơ quan công an triệu tập làm việc do lo sợ bị xử lý nên các bị cáo trên đã xóa hết các ứng dụng chuyển tiền của ngân hàng và hủy bỏ thẻ sim dùng trước đó nên điện thoại không có thẻ sim và không còn ứng dụng chuyển tiền của ngân hàng trên điện thoại.

Tiến hành kiểm tra sao kê tài khoản ngân hàng của Nguyễn Văn L1, Nguyễn Hữu Đ thể hiện:

- Hồi 20 giờ 16 phút ngày 4/01/2026 Nguyễn Văn L1 chuyển số tiền 5.000.000 đồng từ tài khoản số 026678000888 của Luật được mở tại Ngân hàng A đến tài khoản số 106600039060 của Bùi Văn Đ1
- Hồi 18 giờ 36 phút ngày 4/01/2026 Nguyễn Hữu Đ chuyển số tiền 5.000.000 đồng từ tài khoản số 0976555884 của Đ được mở tại Ngân hàng M2 đến tài khoản số 106600039060 của Bùi Văn Đ1
- Hồi 19 giờ 10 phút ngày 4/01/2026 Nguyễn Hữu Đ chuyển số tiền 5.000.000 đồng từ tài khoản số 0976555884 của Đ được mở tại Ngân hàng M2 đến tài khoản số 106600039060 của Bùi Văn Đ1
- Hồi 19 giờ 09 phút ngày 4/01/2026 Nguyễn Hữu Đ nhận được số tiền 10.000.000 đồng từ số tài khoản 2803236161986 mang tên Kim Đình C tại Ngân hàng A đến tài khoản số 0976555884 của Đ được mở tại Ngân hàng M2.

Đối với anh Nguyễn Văn H, chị Lê Thị Bích L là chủ nhà nơi các bị cáo sử dụng làm địa điểm để đánh bạc. Quá trình điều tra xác định, ngày 04/01/2026, anh H sau khi tiếp khách uống nhiều rượu đã đi ngủ tại phòng ngủ ở tầng 2 còn chị L thì dọn dẹp bàn tiệc tại khu vực sân, nhà tầng 1. Việc các bị cáo rủ nhau đánh bạc, thống nhất hình thức đánh bạc thì anh H, chị L không có mặt, không biết, không liên quan gì đến hành vi đánh bạc của các đối tượng trên, do vậy cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh H, chị L là có căn cứ, phù hợp.

Đối với Đỗ Văn S, Nguyễn Văn D1, quá trình điều tra xác định S, D1 là khách mời của anh H. Buổi tối ngày 04/01/2026, S và D1 chứng kiến các bị cáo

đánh bạc, không tham gia đánh bạc, chỉ ngồi xem, không cho vay, không cầm cố tài sản, không giúp sức, không hưởng lợi gì trong việc các bị cáo đánh bạc trái phép. Do đó Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Quá trình làm việc tại Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P, Kim Đình T3 tự nguyện giao nộp số tiền 2.700.000 đồng; Nguyễn Văn L1 tự nguyện giao nộp số tiền 700.000 đồng; Đỗ Văn T1 tự nguyện giao nộp số tiền 1.500.000 đồng; Đỗ Văn T2 tự nguyện giao nộp số tiền 1.680.000 đồng; Nguyễn Hữu Đại tự N giao nộp số tiền 5.760.000 đồng; Bùi Mạnh D2 tự nguyện giao nộp số tiền 1.500.000 đồng; Kim Đình C tự nguyện giao nộp số tiền 11.000.000 đồng; Kim Đình B tự nguyện giao nộp số tiền 1.550.000 đồng; Tạ Văn T4 tự nguyện giao nộp số tiền 4.000.000 đồng. Bùi Văn Đại tự N1 giao nộp số tiền 1.700.000 đồng; Nguyễn Văn T tự nguyện giao nộp số tiền 2.430.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo tự nguyện giao nộp là 34.520.000 đồng.

- Bùi Văn Đại tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus, màu đen; Nguyễn Hữu Đại tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 14 F5G, màu xanh dương; Nguyễn Văn L1 tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy S25FE, màu xanh và Kim Đình C tự nguyện giao nộp 01 điện thoại Iphone 13 Promax, màu vàng;

Thu giữ của anh Nguyễn Văn H 01 tấm màu đỏ, có kích thước 2,0mx1,57m để phục vụ công tác điều tra.

- Đối với 01 bộ bài Tú Lơ K2, quá trình điều tra xác định, khi bắt đầu ngồi xuống đánh bạc, T, T1, T3 thấy 01 bộ bài Tú Lơ khơ được để tại phòng, sau đó, đã mang bài và lọc bài bỏ các quân từ số 10, J, Q, K, chỉ để lại các quân bài từ A đến 9 rồi các đối tượng bắt đầu tham gia đánh bạc. Sau khi kết thúc đánh bạc thì các đối tượng không mang bài về và để lại tại đây. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường song không thu giữ được bộ bài trên. Anh Nguyễn Văn H chủ nhà xác định sau ngày 04/01/2026 anh và gia đình không thấy bộ bài trên tại phòng. Ngày 07/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã ra Thông báo truy tìm đối với vật chứng là 01 bộ bài tú lơ khơ, tuy nhiên đến nay chưa tìm được bộ bài trên, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu Đ, Bùi Văn Đ1, Kim Đình T3, Kim Đình B, Bùi Mạnh D2, Kim Đình C, Nguyễn Văn L1, Tạ Văn T4, Đỗ Văn T1 và Đỗ Văn T2 khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2026/HS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu Đ, Kim Đình C, Nguyễn Văn L1, Bùi Văn Đ1, Kim Đình B, Tạ Văn T4, Kim Đình T3, Bùi Mạnh D2, Đỗ Văn T1 và Đỗ Văn T2 phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Nguyễn Văn T** 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 08/01/2026 đến ngày 16/01/2026)

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn áp dụng điều luật, quyết định hình phạt với các bị cáo khác; áp dụng hình phạt bổ sung; xử lý vật chứng; quyết định án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/7/2026, bị cáo **Nguyễn Văn T** có đơn kháng cáo xin hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Văn T**; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2026/HS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ về biện pháp chấp hành hình phạt; xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Văn T** làm trong thời hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản án sơ thẩm đã tóm tắt. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập khách quan có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 18 giờ 00 phút đến 20 giờ 20 phút ngày 04/01/2026, tại phòng ngủ tầng 3 của gia đình anh **Nguyễn Văn H**, các đối tượng **Nguyễn Văn T**, **Nguyễn Hữu Đ**, **Bùi Văn Đ1**, **Kim Đình T3**, **Kim Đình B**, **Bùi Mạnh D2**, **Kim Đình C**, **Nguyễn Văn L1**, **Tạ Văn T4**, **Đỗ Văn T1** và **Đỗ Văn T2** đã cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc với hình thức đánh “ba cây”. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 30.290.000 đồng. Trong đó, **Nguyễn Văn T** sử dụng 1.180.000 đồng đánh bạc; **Kim Đình T3** sử dụng 800.000

đồng; **Đỗ Văn T1** sử dụng 650.000 đồng; **Đỗ Văn T2** sử dụng 150.000 đồng; **Kim Đình B** sử dụng 600.000 đồng; **Tạ Văn T4** sử dụng 1.600.000 đồng; **Bùi Mạnh D2** sử dụng 150.000 đồng; **Nguyễn Đ** sử dụng 5.760.000 đồng; **Bùi Đ1** sử dụng 1.700.000 đồng; **Nguyễn Văn L1** sử dụng 6.700.000 đồng và **Kim Đình C** sử dụng 11.000.000 đồng.

[4] Xét tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự an toàn công cộng được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Do vậy cần xử phạt các bị cáo thật nghiêm khắc mới tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Nguyễn Văn T** và các bị cáo khác về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và không oan sai.

[5] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Văn T**, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong vụ án này, bị cáo **Nguyễn Văn T** tham gia với vai trò là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền sử dụng vào việc đánh bạc. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **T** mức án 01 năm 03 tháng tù là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới thể hiện gia đình bị cáo có công với cách mạng, ông nội của bị cáo là liệt sĩ; bản thân bị cáo đã từng tham gia nghĩa vụ quân sự và hiện đang nuôi 3 con nhỏ đều dưới 15 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ; không chịu tình tiết tăng nặng nào; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; có khả năng tự cải tạo nên đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Văn T**, sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho bị cáo **T** được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục như đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe và phòng ngừa chung, tạo điều kiện giúp bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo.

[6] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo **T** được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Văn T**. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2026/HS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo **Nguyễn Văn T**.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo **Nguyễn Văn T** cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Bị cáo **Nguyễn Văn T** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số: 114/2026/HS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND khu vực 10 – Phú Thọ;
- VKSND khu vực 10 – Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 10 – Phú Thọ;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan THAHS – Công an tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Tề Lễ, tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; Toà hình sự, HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Đoan Trang